

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày: 18-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15, TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Vũ Anh Kiệt** và ông **Lê Ngọc Thơm**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh Đan** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLST-DS ngày 18/02/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng **C (N)**. Địa chỉ: Tòa nhà C, khu B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, nay là phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Minh Đ.** Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng C (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2025 của Giám đốc Phòng C)

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1983; ông **Lê Tấn K**, sinh năm: 1979; ông **Lê Minh Q**, sinh năm: 2001. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nay là phường L, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt bà B, có mặt ông K, ông Q).

- Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị Thu T1**, sinh năm 1975 (Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn). Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nay là phường L, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn (Ngân hàng C) trình bày:

Vào ngày 30/1/2020, bà Nguyễn Thị B với tư cách là đại diện cho hộ gia đình gồm bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q (Bà Nguyễn Thị B đại diện theo uỷ quyền cho ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q theo văn bản uỷ quyền ngày 30/01/2020 có xác nhận của trưởng thôn B và UBND xã T, thị xã L) lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) gửi đến Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C để vay số tiền 50 triệu đồng. Ngày 03/02/2020 đại diện ngân hàng đồng ý cho bà B, ông K, ông Q vay số tiền 50 triệu đồng, lãi suất 8,25%/tháng, thời hạn vay 60 tháng.

Tiếp theo, vào ngày 01/3/2021 bà Nguyễn Thị B với tư cách là đại diện cho hộ gia đình gồm bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q đề nghị vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C số tiền 20 triệu đồng, lãi suất 9%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, Ngân hàng duyệt cho vay ngày 04/3/2021.

Đến ngày 27/6/2022 bà Nguyễn Thị B với tư cách là đại diện cho hộ gia đình gồm bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C số tiền 50 triệu đồng (Hợp đồng tín dụng ngày 27/6/2022), Ngân hàng giải ngân số tiền 50 triệu đồng ngày 28/6/2025, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 60 tháng.

Các khoản vay của bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q đều nhằm mục đích sửa nhà vệ sinh, sửa hệ thống nước; chăn nuôi bò sinh sản và hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, để gia đình phát triển kinh tế.

Các khoản vay đều thoả thuận trả nợ gốc và lãi theo đợt, tuy nhiên bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q trả được một thời gian thì không trả nữa, ngân hàng đã tạo điều kiện nhiều lần để thanh toán khoản vay nhưng gia đình bà B không thực hiện. Do đó, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền là 104.206.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tổng số tiền ngân hàng yêu cầu là 116.966.000 đồng, gồm 104.206.000 đồng nợ gốc và 12.760.000 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị B: Bà Thừa nhận sự việc như Ngân hàng trình bày. Bà với tư cách đại diện cho Lê Tấn K, ông Lê Minh Q vay Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C vay số tiền 50 triệu đồng, lãi suất 8,25%/tháng, thời hạn vay 60 tháng vào ngày 30/1/2020; Ngày 01/3/2021 vay số tiền 20 triệu đồng, lãi suất 9%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, Ngân hàng duyệt cho vay ngày 04/3/2021; Ngày 27/6/2022 vay 50 triệu đồng, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 60 tháng.

Các khoản vay trên nhằm mục đích sửa nhà vệ sinh, sửa hệ thống nước; chăn nuôi bò sinh sản và hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, để gia đình phát triển kinh tế. Sau khi vay gia đình có trả được một thời gian thì do khó khăn nên không trả nữa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý cả 03 người (bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q) cùng có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng C.

- *Bị đơn ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q*: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông K, ông Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn luôn vắng mặt không lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, không có yêu cầu phản tố cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên toà hôm nay, ông K, ông Q cho rằng các ông không ký vào văn bản uỷ quyền để bà Nguyễn Thị B vay vốn tại Phòng C – Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C. Đối với khoản vay 20 triệu đồng thì ông Q, ông K biết nhưng đã thanh toán xong. Trong quá trình chung sống, bà B làm thuê, ông K và ông Q làm tiệm nhôm sắt tại nhà, kinh tế gia đình do vợ chồng ông K, bà B cùng chi trả. Đến giữa năm 2023 thì bà B đi chỗ khác sinh sống, không sống chung với gia đình. Hiện tại ông K bị tai nạn, không có khả năng lao động, ông Q là lao động chính trong gia đình nên kinh tế gia đình vô cùng khó khăn, không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Nếu có khả năng về kinh tế thì các ông đồng ý cùng với bà B thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Bà là tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn. Khi làm hồ sơ vay thì bà Nguyễn Thị B có liên hệ với bà để thực hiện các lần vay nhằm mục đích sửa nhà vệ sinh, sửa hệ thống nước; chăn nuôi bò sinh sản và hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, để gia đình phát triển kinh tế. Ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q có ký văn bản uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị B vay tiền của Phòng C – Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C. Tổng cộng vay ba lần (hai lần 50 triệu và một lần 20 triệu đồng) với tổng số tiền 120 triệu đồng. Khi thanh toán thì bà B liên hệ với bà để nộp theo các kỳ thanh toán, bà B thanh toán được một thời gian thì không trả nữa, bà cũng đã liên hệ nhiều lần nhưng không liên hệ được với bà B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q phải trả cho Ngân hàng C số tiền 104.206.000 đồng nợ gốc và 12.760.000 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử, ngoài ra còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi thanh toán khoản nợ. Bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng C khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại thị xã L, tỉnh Bình Thuận nay là phường L, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, TAND thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, nay là TAND khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, có mặt ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản nợ gốc:

- Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 30/01/2020, ngân hàng duyệt cho vay ngày 03/02/2020; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/3/2021, Ngân hàng duyệt cho vay ngày 04/3/2021 và Hợp đồng tín dụng ngày 27/6/2022 được bà Nguyễn Thị B với tư cách cá nhân đồng thời đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q (Văn bản uỷ quyền ngày 30/01/2020 có xác nhận của trưởng thôn B và UBND xã T, thị xã L) ký kết với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã C. HĐXX nhận thấy bà Nguyễn Thị B và đại diện Ngân hàng đều xác nhận đã ký tên vào các hợp đồng nêu trên để cho bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q vay Ngân hàng C vay số tiền 50 triệu đồng vào ngày 03/02/2020; Vay số tiền 20 triệu đồng vào ngày 04/3/2021 và vay 50 triệu đồng vào ngày 28/6/2022.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông K, ông Q cho rằng các ông không ký vào văn bản uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị B vay vốn tại Phòng C – Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C, không biết việc bà B vay tiền của Ngân hàng C. Đối với khoản vay 20 triệu đồng thì ông Q, ông K biết nhưng đã thanh toán xong. Tuy nhiên, các ông không cung cấp tài liệu thể việc thanh toán xong khoản vay. Bên cạnh đó, theo lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu T1 thì ông Lê Tấn

K, ông Lê Minh Q đều biết việc bà B vay tiền và bà B vay là để sửa nhà vệ sinh, sửa hệ thống nước; chăn nuôi bò sinh sản và hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, để gia đình phát triển kinh tế.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa các bên xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng ngân hàng. Vì vậy hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán: Theo trình bày của đương sự và đối chiếu tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình sử dụng vốn vay bà B, ông K, ông Q nợ lại số tiền là 104.206.000 đồng. Vì vậy, việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc: 104.206.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại “*Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 30/01/2020; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/3/2021 và Hợp đồng tín dụng ngày 27/6/2022*”. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 18/7/2025 là 12.760.000 đồng.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi phía bị đơn phải trả cho Ngân hàng C đến ngày 18/7/2025 là 104.206.000 đồng + 12.760.000 đồng = **116.966.000** đồng.

[2.4] Về trách nhiệm trả nợ:

Căn cứ Văn bản uỷ quyền ngày 30/01/2020 có xác nhận của trưởng thôn B và UBND xã T, thị xã L thể hiện ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q đã uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị B “*thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C xã hội*”. Tiếp đó, bà Nguyễn Thị B với tư cách cá nhân cũng như đại diện cho ông K, ông Q ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng C. Ông K cũng thừa nhận, trong quá trình chung sống, bà B làm thuê, ông K và ông Q làm nhôm sắt tại nhà, kinh tế gia đình do vợ chồng ông K, bà B cùng chi trả. Đến giữa năm 2023 thì bà B đi chỗ khác sinh sống, không sống chung với gia đình. Ông K và ông Q không đồng ý thanh toán khoản nợ vì hiện tại ông K bị tai nạn, không có khả năng lao động, ông Q là lao động chính trong gia đình nên kinh tế gia đình vô cùng

khó khăn, không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Nếu có khả năng về kinh tế thì các ông đồng ý thanh toán cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống của ông K, bà B và ông Q thì các khoản chi phí sinh hoạt gia đình thì do vợ chồng cùng chi trả. Các khoản vay tại Ngân hàng C bà Nguyễn Thị B đại diện ký kết nhằm mục đích sửa nhà vệ sinh, sửa hệ thống nước; chăn nuôi bò sinh sản và hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, để gia đình phát triển kinh tế.

Do đó, khoản tiền nợ gốc và lãi được xác định như mục [2.3] nêu trên, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;
- Điều 27 và khoản 4 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng C.

- Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền 116.966.000 đồng, bao gồm: Nợ gốc 104.206.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 18/7/2025 là 12.760.000 đồng. (Nghĩa

vụ được chia theo phần cho bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q mỗi người là 38.986.667 đồng).

Kể từ ngày 19/7/2025, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 30/01/2020; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/3/2021 và Hợp đồng tín dụng ngày 27/6/2022.

2. Về Án phí:

- Bà Nguyễn Thị B, ông Lê Tấn K, ông Lê Minh Q mỗi người phải chịu 1.949.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Đã làm tròn).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 – tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thịnh